

Số: /TM-TTYT

Đakrông, ngày

tháng 3 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ
In ấn biểu mẫu sổ sách của Trung tâm Y tế huyện Đakrông

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế huyện Đakrông có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu in ấn sổ sách, biểu mẫu của Trung tâm Y tế huyện Đakrông với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Đakrông.

Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Mai Văn Định. Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Kế hoạch-Nghiệp vụ.

Số điện thoại: 0914171335. Địa chỉ email: maidinh1979@gmail.com

Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhà thầu gửi báo giá có dấu hợp pháp về Trung tâm Y tế huyện Đakrông, số 05 đường Lê Lợi, khóm Khe Xong, thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị.

Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h00 ngày 25/3/2025 đến trước 17h00 ngày 05/4/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 25/4/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục sổ sách, biểu mẫu cần báo giá:

TT	Tên biểu mẫu	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
1	Bì đựng phim cỡ 30*40	Cái	7.000	Giấy For định lượng 80mg/m ² ; Cỡ 30*40cm dán bì
2	Sổ y bạ	Quyển	7.000	Bìa giấy Couccher định lượng 220mgs in màu 2 mặt + Ruột Giấy trắng định lượng 70mg/m ² , Cỡ A4 gấp đôi, Đóng 20trang/cuốn
3	Đơn thuốc thường (theo TT18/2018)	Tờ	500	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cỡ A5 in 1 mặt
4	Giấy đi đường	Tờ	2.000	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cỡ A4 in 2 mặt
5	Giấy cam đoan phẫu thuật, thủ thuật	Tờ	2.320	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cỡ A4 in 2 mặt
6	Bệnh án nội khoa	Cuốn	2.200	Bìa đồ 1 mặt bìa đánh, 1 mặt nhẵn định lượng 140g/m ² ; + 10 gáy 3*30cm

TT	Tên biểu mẫu	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
7	Bệnh án ngoại khoa	Cuốn	1.600	Bìa đỏ 1 mặt bìa đánh, 1 mặt nhẵn định lượng 140g/m ² ; + 10 gáy 3*30cm
8	Bệnh án nhi khoa	Cuốn	1.800	Bìa đỏ 1 mặt bìa đánh, 1 mặt nhẵn định lượng 140g/m ² ; + 10 gáy 3*30cm
9	Giấy khám sức khỏe lái xe	Tờ	500	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cỡ A3 in 2 mặt
10	Bì thư nhỏ	Cái	300	Giấy For định lượng 80mg/m ² ; Cỡ 12*22cm dán bì
11	Phiếu khảo sát hài lòng người bệnh nội trú	Tờ	300	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cỡ A4 in 2 mặt
12	Bệnh án YHCT nội trú	Cuốn	300	Bìa đỏ 1 mặt bìa đánh, 1 mặt nhẵn định lượng 140g/m ² ; + 10 gáy 3*30cm
13	Giấy xin xe công tác	Tờ	200	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cỡ A4 in 1 mặt
14	Bì Thư lớn	Cái	200	Giấy For định lượng 80mg/m ² ; Cỡ 16*23cm dán bì
15	Phiếu khảo sát hài lòng người bệnh ngoại trú	Tờ	200	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cỡ A4 in 2 mặt
16	Phiếu khảo sát ý kiến của nhân viên y tế	Tờ	150	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cỡ A3 in 2 mặt
17	Sổ giao ban thường trực toàn viện	Quyển	31	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cỡ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
18	Sổ họp giao ban (Giống sổ giao ban toàn viện, nhưng phía dưới THU KÝ VÀ LÃNH ĐẠO KÝ)	Quyển	29	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cỡ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
19	Sổ giao ban thường trực khoa	Quyển	45	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cỡ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
20	Sổ lệnh điều xe bệnh nhân	Quyển	20	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² , Cỡ A4, có đường răng cưa giới hạn liên 1 và liên 2, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100 tờ/cuốn định Agrap
21	Sổ quản lý vaccin bơm kim tiêm tuyến huyện	Quyển	20	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cỡ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 50trang/cuốn, định Agrap
22	Bệnh án bông	Cuốn	70	Bìa đỏ 1 mặt bìa đánh, 1 mặt nhẵn định lượng 140g/m ² ; + 10 gáy 3*30cm
23	Sổ khám sức khỏe định kỳ	Quyển	12	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² , 5 tờ A3 in 2 mặt, Bìa For định lượng 160gms đóng ghim giữa
24	Sổ lệnh điều xe công tác	Quyển	10	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² , Cỡ A4, có đường răng cưa giới hạn liên 1 và liên 2, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100 tờ/cuốn

TT	Tên biểu mẫu	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
				đỉnh Agrap
25	Sổ tư vấn giáo dục sức khỏe	Quyển	11	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
26	Sổ đi buồng điều dưỡng trưởng khoa lâm sàng	Quyển	15	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
27	Sổ vệ sinh kho thuốc	Quyển	6	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, đỉnh Agrap
28	Sổ tài sản, y dụng cụ	Quyển	8	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
29	Sổ khám phụ khoa	Quyển	5	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
30	Sổ kiểm nhập thuốc	Quyển	6	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
31	Sổ bàn giao thuốc thường trực	Quyển	7	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
32	Sổ xin xe cứu thương	Quyển	9	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² , Cờ A4, có đường răng cưa giới hạn liên 1 và liên 2, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100 tờ/cuốn đỉnh Agrap
33	Sổ theo dõi nhiệt độ, độ ẩm kho thuốc	Quyển	5	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, đỉnh Agrap
34	Phiếu lĩnh thuốc thành phẩm gây nghiện, thuốc thành phẩm hướng tâm thần, thuốc thành phẩm tiền chất	Quyển	3	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² , Cờ A4, có đường răng cưa giới hạn liên 1 và liên 2, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100 tờ/cuốn đỉnh Agrap
35	Sổ mời hội chẩn	Quyển	5	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
36	Sổ khám thai	Quyển	3	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
37	Sổ theo dõi phản ứng ADR	Quyển	5	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
38	Sổ sinh hoạt hội đồng người bệnh	Quyển	7	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
39	Sổ trả thuốc thừa	Quyển	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng

TT	Tên biểu mẫu	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
				200trang/cuốn,may dây dù
40	Sổ giấy giới thiệu	Cuốn	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² , Cờ A4, có đường răng cưa giới hạn liên 1 và liên 2, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100 tờ/cuốn định Agrap
41	Sổ đi buồng điều dưỡng trưởng khoa khám bệnh	Quyển	2	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
42	Sổ kiểm nhập thuốc y học cổ truyền	Quyển	2	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
43	Sổ thông tin thuốc	Quyển	2	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
44	Sổ ghi nhật ký làm việc của hộ lý	Quyển	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
45	Sổ bàn giao bệnh nhân nặng	Quyển	3	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
46	Sổ sai sót chuyên môn	Quyển	4	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
47	Sổ bàn giao người bệnh chuyển viện	Quyển	3	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
48	Giấy chuyển viện	Tờ	520	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt
49	Phiếu khảo sát nuôi con bằng sữa mẹ	Tờ	500	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt
50	Khảo sát ý kiến người mẹ sinh con tại bệnh viện	Tờ	500	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt
51	Bệnh án sản khoa	Cuốn	500	Bìa đỏ 1 mặt bìa đánh, 1 mặt nhẵn định lượng 140g/m ² ; + 10 gáy 3*30cm
52	Biểu đồ chuyển dạ	Tờ	500	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt
53	Bệnh án truyền nhiễm	Cuốn	210	Bìa đỏ 1 mặt bìa đánh, 1 mặt nhẵn định lượng 140g/m ² ; + 10 gáy 3*30cm
54	Bệnh án YHCT ngoại trú	Cuốn	200	Bìa đỏ 1 mặt bìa đánh, 1 mặt nhẵn định lượng 140g/m ² ; + 10 gáy 3*30cm
55	Bệnh án phụ khoa	Cuốn	100	Bìa đỏ 1 mặt bìa đánh, 1 mặt nhẵn định lượng 140g/m ² ; + 10 gáy 3*30cm
56	Bệnh án ngoại trú	Cuốn	100	Bìa đỏ 1 mặt bìa đánh, 1 mặt nhẵn định lượng 140g/m ² ; + 10 gáy 3*30cm
57	Phiếu sơ kết 15 ngày điều trị	Tờ	50	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 1 mặt
58	Bệnh án sơ sinh	Cuốn	20	Bìa đỏ 1 mặt bìa đánh, 1 mặt nhẵn định lượng 140g/m ² ; + 10 gáy 3*30cm

TT	Tên biểu mẫu	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
59	Sổ ghi lý lịch hoạt động máy	Quyển	20	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 12trang/cuốn, dính Agrap
60	Sổ báo cáo sự cố y khoa	Quyển	3	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
61	Sổ bàn giao y lệnh	Quyển	2	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
62	Sổ trả kết quả cận lâm sàng	Quyển	2	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
63	Sổ bàn giao bệnh án	Quyển	2	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
64	Sổ bàn giao dụng cụ thường trực	Quyển	2	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
65	Sổ bàn giao người bệnh vào khoa	Quyển	2	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
66	Sổ bàn giao tư trang người bệnh tử vong	Quyển	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
67	Sổ kiểm nhập vật tư y tế	Quyển	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
68	Sổ kiểm nhập hóa chất, sinh phẩm	Quyển	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
69	Giấy chứng sinh	Quyển	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² , Cờ A4, có đường rãnh chia giới hạn liên 1 và liên 2, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100 tờ/cuốn dính Agrap
70	Sổ Bàn giao ca trực (Cuốn)	Quyển	16	Giấy Bãi Bằng định lượng 70mg/m ² , Cờ A3 gấp đôi, Bìa Doplex, Đóng 365trang/cuốn
71	Sổ báo cáo y tế thôn bản (Cuốn)	Quyển	39	Giấy Bãi Bằng định lượng 70mg/m ² , Cờ A3 có đường xén chia thành 2 liên ở giữa Bìa Doplex, Đóng 100 tờ/cuốn
72	Sổ khám bệnh (A1)	Quyển	3	Giấy Bãi Bằng định lượng 70mg/m ² , Cờ A3 , Bìa Doplex, Đóng 200trang/cuốn
73	Bệnh án dùng cho tuyến Trạm Y tế (Cuốn)	Cái	110	Gồm 1 tờ A3 giấy Bãi Bằng (định lượng 70g/m ² . in 2 mặt + 1 tờ bìa định lượng 170mg + 10 gáy (3x30)cm , đóng ghim ở giữa
74	Giấy cam kết chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật (Tờ)	Tờ	75	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt
75	Phiếu theo dõi điều trị (Tờ)	Tờ	130	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt

TT	Tên biểu mẫu	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
76	Phiếu theo dõi và chăm sóc cấp 2-3 (Tờ)	Tờ	130	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt
77	Giấy cam kết từ chối chuyển cơ sở điều trị	Tờ	40	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt
78	Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Tờ)	Tờ	30	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt
79	Phiếu phẫu thuật/ thủ thuật (Tờ)	Tờ	61	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt
80	Phiếu theo dõi truyền dịch (Tờ)	Tờ	30	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt
81	Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sỹ (khi chưa kết thúc việc chữa bệnh)	Tờ	30	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt
82	Sổ bàn giao người bệnh chuyển viện (Cuốn)	Quyển	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn, may dây dù
83	Sổ báo cáo sự cố y khoa (Cuốn)	Quyển	4	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn, may dây dù
84	Sổ báo cáo dân số thôn (Cuốn)	Quyển	30	Giấy Bãi Bằng định lượng 70mg/m ² , Cờ A3 có đường xén chia thành 2 liên ở giữa Bìa Doplex, Đóng 26 tờ/cuốn
85	Sổ báo cáo hoạt động công tác dân số (Cuốn)	Quyển	4	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, đính Agrap
86	Sổ quản lý tài sản mẫu 4c/TSC BH ngày 29/12/2017 (Cuốn)	Quyển	9	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, đính Agrap
87	Sổ quản lý bệnh nhân lao tại cộng đồng theo mẫu A9/TYT (Cuốn)	Quyển	8	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, đính Agrap
88	Sổ theo dõi trường hợp gửi lên TTYT huyện khám phát hiện lao (Cuốn)	Quyển	10	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, đính Agrap
89	Biểu đồ tiêm chủng (Bảng)	Cái	39	Giấy For định lượng 220mg/m ² , Cờ A3 in 1 mặt
90	Sổ khám thai Theo mẫu A3/CSYT quy định tại Thông tư số 37/2019/TT-BYT	Quyển	6	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100 tờ/cuốn đính Agrap

TT	Tên biểu mẫu	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
91	Sổ đẻ (Cuốn)	Quyền	5	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100 tờ/cuốn định Agrap
92	Sổ khám phụ khoa (Cuốn)	Quyền	9	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 200trang/cuốn,may dây dù
93	Sổ sử dụng biện pháp tránh thai (Cuốn)	Quyền	14	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, định Agrap
94	Sổ theo dõi truyền thông GDSK A11/YTCS (Cuốn)	Quyền	10	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, định Agrap
95	Sổ nguyên nhân tử vong (Cuốn)	Quyền	5	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 50trang/cuốn, định Agrap
96	Sổ theo dõi bệnh nhân tai nạn thương tích (Cuốn)	Quyền	9	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, định Agrap
97	Sổ theo dõi tử vong (Cuốn)	Quyền	8	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 50trang/cuốn, định Agrap
98	Sổ cân đo trẻ dưới 2 tuổi (Cuốn)	Quyền	33	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, định Agrap
99	Sổ quản lý người cao tuổi (Cuốn)	Quyền	12	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, định Agrap
100	Sổ quản lý người khuyết tật (Cuốn)	Quyền	8	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, định Agrap
101	Sổ tư vấn định kỳ bệnh mạn tính không lây (Cuốn)	Quyền	9	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, định Agrap
102	Sổ quản lý phục hồi chức năng (Cuốn)	Quyền	7	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, định Agrap
103	Sổ xét nghiệm Sốt rét	Quyền	13	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, định Agrap
104	Sổ quản lý bệnh nhân Sốt rét	Quyền	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 50trang/cuốn, định Agrap
105	Biểu đồ theo dõi bệnh sốt rét	Tờ	13	Giấy For định lượng 220mg/m ² , Cờ A3 in 1 mặt
106	Sổ thăm hộ gia đình, giám sát sốt rét YTTB (Cuốn)	Quyền	78	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 50trang/cuốn, định Agrap
107	Sổ theo dõi bệnh nhân tâm thần	Quyền	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng

TT	Tên biểu mẫu	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
				50trang/cuốn, định Agrap
108	Sổ theo dõi bệnh nhân sốt xuất huyết	Quyền	3	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, định Agrap
109	Sổ quản lý bệnh nhân THA	Quyền	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, định Agrap
110	Sổ quản lý bệnh nhân ĐTĐ	Quyền	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, định Agrap
111	Sổ quản lý bệnh nhân Ung thư	Quyền	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 50trang/cuốn, định Agrap
112	Sổ quản lý Vaccin, bkt	Quyền	2	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, định Agrap
113	Sổ tiêm chủng trẻ em	Quyền	4	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, định Agrap
114	Sổ theo dõi tiêm chủng phụ nữ 15-49	Quyền	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, định Agrap
115	Sổ nói chuyện chuyên đề	Quyền	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, định Agrap
116	Hồ sơ theo dõi sức khỏe Người Cao tuổi	Quyền	525	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt
117	Phiếu giám sát CTV	Quyền	120	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 in 2 mặt
118	Sổ theo dõi đối tượng sử dụng BPTT miễn phí	Quyền	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 75/cuốn định Agrap
119	Sổ Tư vấn khám sức khỏe tiền hôn nhân(Cuốn)	Quyền	2	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 10/cuốn định Agrap
120	Sổ theo dõi đối tượng sử dụng biện pháp tránh thai miễn phí (Cuốn)	Quyền	4	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 50trang/cuốn, định Agrap
121	Sổ theo dõi kết quả Sàng lọc trước sinh (Cuốn)	Quyền	2	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 10/cuốn định Agrap
122	Sổ theo dõi Nhập xuất tôn mẫu SLTS&SS (Cuốn)	Quyền	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, định Agrap
123	Sổ theo dõi Nhập xuất tôn PTTT miễn phí (Cuốn)	Quyền	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, định Agrap

TT	Tên biểu mẫu	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
124	Sổ theo dõi tượng được khám sức khỏe trước khi kết hôn & đối tượng có nguy cơ cao	Quyển	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 10/cuốn đinh Agrap
125	Sổ theo dõi kết sàng lọc sơ sinh (Cuốn)	Quyển	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A4 in 2 mặt, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 10/cuốn đinh Agrap
126	Sổ khám sàng lọc người nghi ngờ lao	Quyển	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, đinh Agrap
127	Sổ theo dõi bệnh mạn tính không lây	Quyển	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, đinh Agrap
128	Sổ theo dõi bệnh truyền nhiễm	Quyển	1	Giấy trắng định lượng 70mg/m ² ; Cờ A3 gấp đôi, Bìa Việt Trì Hồng định lượng 160g/m ² , Đóng 100trang/cuốn, đinh Agrap

2. Địa điểm cung cấp:

Vận chuyển, bàn giao tại Trung tâm Y tế huyện Đakrông.

Địa chỉ: số 05 đường Lê Lợi, khóm Khe Xong, thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc theo thông báo của Trung tâm Y tế huyện Đakrông.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tỷ lệ tạm ứng: Không.

- Thanh toán hợp đồng và các điều kiện tạm ứng, thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Bên mời thầu đã nhận được hàng hoá với đầy đủ số lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ hợp lệ, Bên mời thầu sẽ thực hiện việc chuyển khoản cho Bên nhà thầu bằng đủ số tiền theo hóa đơn./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, KHNVDĐ.

Đinh Quang Nhật